

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 18-6-2021

*" Tranh chấp hợp đồng vay
và hợp đồng mua bán tài sản "*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng.

2. Ông Trần Văn Tàu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:* Ông Chau Rết.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng mua bán tài sản* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QDST-DS ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vương Thị Ch, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp V, xã T, huyện Tịnh Biên, An Giang.

Bị đơn:

- Ông Chau L, sinh năm 1947,

- Bà Neàng Kim L1, sinh năm 1953,

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện Tịnh Biên An Giang.

Người phiên dịch: Ông Chau Som Nang, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà Vương Thị Ch trình bày:

Bà và vợ chồng ông Chau L, bà Neàng Kim L1 là chỗ quen biết, khoảng tháng 12/2017 bà có cho vợ chồng ông L và bà L1 vay số tiền 170.000.000 đồng; lãi là 5% tháng tuy nhiên sau khi vay ông L và bà L1 không đóng lãi như thỏa thuận, cho rằng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả góp hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ và đồng thời có làm biên nhận số tiền trên ngày 02/12/2017. Trong khoảng thời gian thỏa thuận trả góp, ông L và bà L1 trả góp được 06 tháng số tiền 29.800.000 đồng còn nợ lại 140.200.000 đồng.

Ngoài số tiền vay nêu trên bà còn cho ông L và bà L1 nuôi rẻ 04 con bò trong đó 03 con bò cái và 01 con bò đực, trong thời gian nuôi ông L và bà L1 gặp khó khăn xin bán 04 con bò nói trên và được sự đồng ý của bà số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Ch xác định số tiền 80.000.000 đồng là tiền bà bán 04 con bò nói trên cho ông L và bà L1.

Tổng số tiền mà ông L và bà L1 nợ bà là 220.200.000 đồng. Trong đó 140.200.000 đồng là tiền nợ vay và 80.000.000 đồng là tiền nợ bán 04 con bò. Bà nhiều lần gặp trực tiếp vợ chồng ông L và bà L1 yêu cầu trả số tiền nêu trên, ông L và bà L1 hứa trả nhưng không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà L1 trả số tiền 220.200.000 đồng bao gồm nợ vay 140.200.000 đồng và nợ tiền 04 con bò 80.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn: Ông Chau L và bà Neàng Kim L1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L, bà L1 vắng mặt không lý do.

Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, tại biên bản lấy lời khai ông L, bà L1 và biên bản hòa giải ngày 29/10/2020 tại Tòa án ông L, bà L1 trình bày như sau: Ông, bà thừa nhận năm 2017 vợ chồng ông có vay của bà Vương Thị Ch số tiền 170.000.000 đồng lãi suất 5% tháng trong quá trình vay ông, bà khó khăn, không thể trả lãi nên có đến gặp bà Ch xin không trả lãi như đã thỏa thuận mà chỉ trả góp 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, ông, bà chỉ trả được 06 tháng số tiền 29.800.000 đồng. Ông, bà thừa nhận hiện còn nợ bà Ch số tiền 140.200.000 đồng.

Ngoài số tiền còn nợ nêu trên; vợ chồng ông còn nợ 80.000.000 đồng tiền mượn 04 con bò nuôi rẻ trong đó 03 con bò cái và 01 con bò đực nhận nuôi của bà Ch mà vợ chồng ông bà bán để tiêu xài trong lúc gặp khó khăn. Đối với giấy biên nhận nợ ghi ngày 02/12/2017 ông, bà thừa nhận có lấn tay, điểm chỉ. Nay ông, bà thừa nhận còn nợ bà Vương Thị Ch tổng số tiền 220.200.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc ông L, bà L1 trả 220.200.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn*) đồng cho bà Ch.

+ Buộc ông L, bà L1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Chau L và bà Neàng Kim L1 cư trú: Ấp V, xã C, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông L, bà L1. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông L, bà L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Vương Thị Ch và bị đơn ông Chau L và bà Neàng Kim L1 là tranh chấp “*Hợp đồng vay và hợp đồng mua bán tài sản*”.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Ch yêu cầu ông L và bà L1 trả số tiền 220.200.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng*). Trong đó 140.200.000 đồng tiền vay và 80.000.000 đồng tiền bán 04 con bò. Bà Ch không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430, 440, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chứng cứ mà bà Ch cung cấp là giấy mượn tiền ngày 02/12/2017 có thể hiện số tiền vay 170.000.000 đồng và có nội dung thể hiện ông L, bà L1 nuôi rể 04 con bò có điểm chỉ của ông L và bà L1 và được ông L, bà L1 thừa nhận điểm chỉ trong biên nhận. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ông L, bà L1 và biên bản hòa giải ngày 29/10/2020 tại Tòa án ông L, bà L1 đều thừa nhận còn nợ bà Ch số tiền 220.200.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng*). Trong đó 140.200.000 đồng tiền nợ vay và 80.000.000 đồng tiền ông, bà mua bán 04 con bò được sự đồng ý của bà Vương Thị Ch.

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông L và bà L1 có vay tiền đồng thời mua, bán 04 con bò của bà Ch còn nợ số 220.200.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ch khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L, bà L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 351, 430, 440, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Ch.

Buộc ông Chau L và bà Neàng Kim L1 có trách nhiệm trả cho bà Vương Thị Ch số tiền 220.200.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Chau L, bà Neàng Kim L1 chịu 11.010.000 đồng (*mười một triệu không trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Vương Thị Ch tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.505.000 đồng (*năm triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: TU/2017/0009424 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án huyện Tịnh Biên.

Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh